wǎng shàng

网上

Noun · online

Example Sentences

tā zài wǎng shàng fā biǎo le píng lùn
他在网上发表了评论。

He posted a comment online.

wǒ jīng cháng zài wǎng shàng mǎi dōng xi
我经常在网上买东西。

I often buy things online.

tā zài wǎng shàng mài dōng xī zhuàn qián
他在网上卖东西赚钱。

He makes money by selling things online.

Trace each character, then write the word on your own.

网 网 网 网 网 网 网 网 网

上 上 上 上 上 上